TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 38A /2018/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 06 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2018 giữa:

* **Người yêu cầu** : Ông Nguyễn Tiến Đ - Sinh năm: 1984. Trú tại: Nhà công vụ Bộ tư lệnh vùng Cảnh Sát Biển 2, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

* **Người yêu cầu**: Bà Dư Thị D - Sinh năm: 1985. Trú tại: Phòng 103 chung cư A6 đường P, phường N, quận S, TP Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Nguyễn Tiến Đ và bà Dư Thị D (*giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 16 tháng 12 năm 2011 tại UBND xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng không còn giá trị*).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** : Ông Nguyễn Tiến Đ và bà Dư Thị D thống nhất thuận tình ly hôn.

- **Về quan hệ con chung:** : Ông Nguyễn Tiến Đ và bà Dư Thị D thống nhất thỏa thuận nuôi con chung chung như sau: giao con Nguyễn Hải Q - sinh ngày 04/11/2012 cho ông Nguyễn Tiến Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà Dư Thị D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 500.000đ (năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền, lợi ích con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày đến hạn cấp dưỡng, người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Tài sản chung ông Đ và bà D xác định không có.

- Nợ Chung ông Đ và bà D xác định không có.

- Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông Đ và bà D mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 008578 ngày 14/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn trước đây;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

đã ký

Lương Thị Anh